

Số: 198/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ
Quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản
của các dự án sử dụng vốn nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2007/CT-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý tài sản của các Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chế độ quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án, chương trình, đề án (sau đây gọi tắt là dự án) sử dụng vốn nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung

ương (sau đây gọi chung là Bộ, cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các cấp quản lý.

Dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại Thông tư này bao gồm: dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, nguồn hỗ trợ chính thức ODA, vốn vay ưu đãi và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các dự án của doanh nghiệp nhà nước, dự án của tổ chức kinh tế được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn, dự án cho vay lại của Nhà nước với doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, tài sản viện trợ phi dự án, dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Trường hợp Ban quản lý dự án được giao quản lý nhiều dự án, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp, việc quản lý, sử dụng, xử lý đối với tài sản phục vụ công tác chung của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp; việc quản lý, sử dụng, xử lý đối với tài sản phục vụ hoạt động riêng của từng dự án phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản dự án.

2. Chủ đầu tư, chủ dự án, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước.

3. Cơ quan chủ quản dự án, cơ quan quyết định thành lập Ban quản lý dự án, cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư.

4. Các đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án.

5. Các đối tượng khác có liên quan tới việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

Điều 3. Tài sản dự án

Tài sản dự án được quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Tài sản phục vụ công tác quản lý dự án của Ban quản lý dự án, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện dự án (sau đây gọi chung là tài sản phục vụ công tác quản lý dự án), bao gồm:

a) Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, bao gồm cả phần diện tích đất được giao để phục vụ công tác quản lý, thi công của dự án;

b) Phương tiện đi lại;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác phục vụ công tác quản lý dự án.

2. Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án.

3. Tài sản phục vụ hoạt động của các chuyên gia nước ngoài, các nhà thầu tư vấn, giám sát, thi công dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài khi dự án kết thúc, các chuyên gia, nhà thầu chuyên giao tài sản cho phía Việt Nam (sau đây gọi chung là tài sản do phía nước ngoài chuyên giao cho Chính phủ Việt Nam).

4. Tài sản là vật tư thu hồi trong quá trình thực hiện dự án.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản dự án

1. Chỉ thực hiện đầu tư, trang bị tài sản phục vụ công tác quản lý dự án cho các Ban quản lý dự án được thành lập theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện dự án. Nhà thầu, tư vấn, giám sát dự án tự đảm bảo tài sản để phục vụ hoạt động tư vấn, giám sát, thi công. Ban Quản lý dự án không đầu tư xây dựng, mua sắm, đi thuê tài sản để trang bị cho nhà thầu, tư vấn, giám sát. Đối với hợp đồng tư vấn theo thời gian, Ban Quản lý dự án sử dụng tài sản hiện có của Ban Quản lý dự án hoặc đi thuê để phục vụ công tác của tư vấn trong thời gian theo hợp đồng.

2. Việc đầu tư, trang bị tài sản phục vụ công tác quản lý dự án phải phù hợp với nhiệm vụ được giao, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, dự toán được giao và quy định của nhà tài trợ (nếu có), bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tài sản dự án phải được sử dụng đúng mục đích, được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị theo chế độ quy định.

4. Tài sản dự án phải được bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ theo chế độ quy định.

5. Tài sản dự án khi dự án kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng phải được xử lý kịp thời theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

6. Việc quản lý, sử dụng tài sản dự án được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản dự án phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp trong các Điều ước quốc tế cụ thể về ODA hoặc văn kiện viện trợ phi chính phủ nước ngoài có quy định khác về quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của dự án thì thực hiện theo quy định tại các Điều ước, văn kiện đó.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban quản lý dự án trong quản lý, sử dụng, xử lý tài sản dự án

Chủ đầu tư, chủ dự án (trong trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án), Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là Ban quản lý dự án) có các quyền và nghĩa vụ trong quản lý, sử dụng, xử lý tài sản dự án như sau:

1. Quyền:

- a) Sử dụng tài sản dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- b) Quyết định các biện pháp bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản dự án;
- c) Tổ chức việc thực hiện quản lý, sử dụng, xử lý tài sản dự án được giao theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ:

- a) Sử dụng tài sản dự án đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức chế độ và đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm;
- b) Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ tài sản dự án theo chế độ quy định;
- c) Ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản dự án;
- d) Lập và quản lý hồ sơ tài sản dự án; hạch toán, ghi chép tài sản; báo cáo kê khai tài sản dự án được giao theo quy định tại Thông tư này và pháp luật về kế toán, thống kê.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN

Mục 1

ĐẦU TƯ, TRANG BỊ TÀI SẢN PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 6. Các hình thức đầu tư, trang bị tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án có trách nhiệm sắp xếp, bố trí trong số tài sản hiện có của cơ quan, đơn vị mình để phục vụ công tác quản lý dự án.

2. Trường hợp không sắp xếp, bố trí được trong số tài sản hiện có của cơ quan, đơn vị thì cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án được đầu tư, trang bị tài sản theo các hình thức sau:

a) Điều chuyển tài sản từ các cơ quan, đơn vị khác hoặc từ các dự án khác đã kết thúc;

b) Thuê tài sản;

c) Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản.

3. Trường hợp khi đàm phán để ký kết Điều ước quốc tế cụ thể về ODA, nhà tài trợ yêu cầu phải đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, mua sắm xe ô tô phục vụ công tác quản lý cho Ban Quản lý dự án khác với quy định của Việt Nam để phục vụ công tác của Ban quản lý dự án thì ngoài việc tuân thủ quy định hiện hành về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì đàm phán Điều ước quốc tế cụ thể về ODA phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp trước khi ký kết Điều ước quốc tế cụ thể đó.

4. Trường hợp khi ký kết Điều ước quốc tế không quy định cụ thể việc mua sắm xe ô tô nhưng khi thực hiện dự án, nhà tài trợ yêu cầu phải trang bị xe ô tô thì Ban Quản lý dự án báo cáo cơ quan chủ quản dự án lấy ý kiến thỏa thuận của cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp về số lượng, chủng loại, mức giá mua xe, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc mua sắm.

Điều 7. Điều chuyển tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao thực hiện dự án không sắp xếp, bố trí được trong số tài sản hiện có của cơ quan, đơn vị để phục vụ công tác quản lý dự án, cơ quan chủ quản dự án có trách nhiệm rà soát tài sản của các cơ quan, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý để quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản cho Ban quản lý dự án phục vụ công tác quản lý dự án.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản để phục vụ công tác quản lý dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định tại các Điều 18, 20 và 26 Thông tư này.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản phục vụ công tác quản lý dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định tại các Điều 19, 20 và 26 Thông tư này.

Điều 8. Thuê tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Việc thuê tài sản phục vụ công tác quản lý dự án được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Không sắp xếp, bố trí được trong số tài sản hiện có của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án;

b) Không áp dụng được hình thức điều chuyển tài sản hoặc có điều chuyển nhưng chỉ đáp ứng được một phần;

c) Có nhu cầu sử dụng tài sản trong thời gian ngắn (dưới 50% thời gian sử dụng theo chế độ quy định đối với từng tài sản) hoặc không thường xuyên hoặc đã được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư, xây dựng, mua sắm, tiếp nhận tài sản nhưng phải thuê để sử dụng tạm thời trong thời gian triển khai thực hiện việc đầu tư xây dựng, mua sắm, tiếp nhận.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Ban quản lý dự án quyết định hoặc phân cấp việc quyết định thuê tài sản phục vụ công tác quản lý dự án.

3. Ban Quản lý dự án đủ điều kiện thuê tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu sử dụng tài sản để lập phương án thuê trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

4. Việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, xác định đơn giá thuê tài sản (kể cả trường hợp thuê bổ sung tài sản) thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 245/2009/TT-BTC), Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2012/TT-BTC) hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5. Kinh phí thuê tài sản phục vụ công tác quản lý dự án được sử dụng từ kinh phí quản lý dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác được phép sử dụng của Ban quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản phục vụ công tác quản lý dự án được thực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Không bố trí, sắp xếp được trong số tài sản hiện có của cơ quan, đơn vị;
- b) Không áp dụng được hình thức điều chuyển tài sản quy định tại Điều 7 Thông tư này hoặc có điều chuyển nhưng chỉ đáp ứng được một phần;
- c) Không áp dụng được hình thức thuê tài sản quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản phục vụ công tác quản lý dự án:

a) Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác quản lý dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Ban quản lý dự án quyết định hoặc phân cấp việc quyết định mua sắm tài sản phục vụ công tác quản lý dự án. Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Ban quản lý dự án khác cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án thì cơ quan của người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban quản lý dự án phải lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án trước khi quyết định việc mua sắm tài sản.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản phục vụ công tác quản lý dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của nhà tài trợ (nếu có).

4. Kinh phí đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản được sử dụng từ kinh phí quản lý dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác được phép sử dụng của Ban quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

Mục 2

SỬ DỤNG, SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, HẠCH TOÁN TÀI SẢN PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 10. Sử dụng tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Tài sản phục vụ công tác quản lý dự án phải được sử dụng đúng mục đích, công năng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ và bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.
2. Thủ trưởng Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản phải ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản; định mức tiêu hao nhiên liệu đối với phương tiện đi lại phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 11. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Tài sản phục vụ công tác quản lý dự án phải được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quy định. Thủ trưởng Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản.
2. Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản dự án được sử dụng từ kinh phí quản lý dự án.

Điều 12. Hạch toán tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

Ban quản lý dự án có trách nhiệm theo dõi, hạch toán tài sản phục vụ công tác quản lý dự án theo chế độ kế toán hiện hành phù hợp với loại hình hoạt động của Ban quản lý dự án.

Mục 3

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 13. Phạm vi tài sản phải thực hiện báo cáo kê khai

Tài sản phục vụ công tác quản lý dự án thuộc phạm vi báo cáo kê khai bao gồm:

1. Trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án;
2. Ô tô các loại;
3. Các tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 14. Các loại Báo cáo kê khai

1. Ban quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện báo cáo kê khai tài sản phục vụ công tác quản lý dự án vào Cơ sở dữ liệu về tài sản dự án trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trong các trường hợp:

a) Báo cáo kê khai lần đầu: Áp dụng đối với tài sản phục vụ công tác quản lý dự án có tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành;

b) Báo cáo kê khai bổ sung: Áp dụng đối với các trường hợp có thay đổi về tài sản phục vụ công tác quản lý dự án do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thời hạn báo cáo kê khai tài sản dự án:

a) Trước ngày 30 tháng 9 năm 2014 đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 15. Trình tự báo cáo kê khai

1. Ban quản lý dự án có trách nhiệm lập báo cáo kê khai theo Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư này (mỗi mẫu biểu lập thành 03 bản), gửi cơ quan chủ quản dự án xác nhận: 01 bản gửi cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Sở Tài chính (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý), 01 bản gửi Ban quản lý dự án, 01 bản lưu tại cơ quan chủ quản dự án.

2. Mẫu biểu kê khai được quy định như sau:

a) Những tài sản được kê khai lần đầu: Thực hiện theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA, Mẫu số 01b-ĐK/TSDA, Mẫu số 01c-ĐK/TSDA.

b) Đối với tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng sau khi đã thực hiện báo cáo kê khai lần đầu: Thực hiện theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA, Mẫu số 01b-ĐK/TSDA, Mẫu số 01c-ĐK/TSDA

c) Thay đổi thông tin về tài sản theo Mẫu số 02a-ĐK/TSDA, Mẫu số 02b-ĐK/TSDA, Mẫu số 02c-ĐK/TSDA;

d) Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 03/TSDA;

3. Căn cứ vào báo cáo kê khai của Ban quản lý dự án đã được cơ quan chủ quản dự án xác nhận, cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính có trách nhiệm nhập dữ liệu tài sản vào Phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kê khai.

Căn cứ tình hình thực tế, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có thể phân cấp việc nhập dữ liệu cho cơ quan chủ quản dự án hoặc Ban quản lý dự án sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Điều 16. Khai thác, sử dụng thông tin về tài sản dự án trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước

1. Khai thác thông tin:

a) Bộ Tài chính được khai thác thông tin về tài sản dự án của cả nước;

b) Các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính, cơ quan chủ quản dự án được khai thác thông tin tài sản của các dự án thuộc phạm vi quản lý;

c) Ban quản lý dự án được khai thác thông tin tài sản thuộc phạm vi của Ban quản lý dự án.

2. Thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu được sử dụng để:

a) Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, xử lý tài sản dự án theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Làm cơ sở cho việc lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản; kiểm kê, lập, phê duyệt phương án xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý) tài sản dự án.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản dự án vào Phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin về tài sản lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu vào các mục đích được quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 4 XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 17. Hình thức xử lý tài sản phục vụ công tác quản lý dự án khi dự án kết thúc

1. Điều chuyển tài sản:

a) Điều chuyển cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) có nhu cầu sử dụng tài sản mà còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Điều chuyển để phục vụ hoạt động của các dự án khác;

c) Các trường hợp đặc biệt không thuộc điểm a, điểm b khoản này theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thanh lý đối với các tài sản đã vượt quá thời gian sử dụng theo chế độ quy định mà không thể tiếp tục sử dụng được; tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả; trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các trường hợp được thanh lý khác theo quy định của pháp luật.

3. Bán đối với các tài sản không xử lý theo hình thức điều chuyển hoặc thanh lý quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Việc bán tài sản được thực hiện thông qua phương thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp sau đây được phép bán chỉ định:

a) Tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để sử dụng cho mục đích xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường phù hợp với quy hoạch được duyệt. Nếu có từ hai tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mục đích xã hội hoá thuộc các lĩnh vực nêu trên thì thực hiện đấu giá giữa các đối tượng tham gia đăng ký;

b) Trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm;

c) Trường hợp giá trị tài sản theo đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (Việc đánh giá lại giá trị tài sản do Hội đồng thanh lý tài sản của Ban quản lý dự án thực hiện hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện).

4. Chuyển giao về địa phương quản lý đối với diện tích đất Ban quản lý dự án được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công dự án.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản phục vụ công tác quản lý dự án khi dự án kết thúc

1. Đối với dự án thuộc trung ương quản lý:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc bán trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); điều chuyển tài sản giữa các Bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc trung ương quản lý với cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc địa phương quản lý theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp quyết định: Điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, tài sản để phục vụ công tác quản lý của các dự án khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương; bán tài sản không thuộc trụ sở làm việc và các tài sản gắn liền với đất; thanh lý tài sản của dự án kết thúc; bàn giao diện tích đất được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công dự án cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi hoàn thành việc thi công dự án.

Việc quyết định điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; quyết định điều chuyển, bán, thanh lý xe ô tô các loại quy định tại khoản này được thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2. Đối với dự án thuộc địa phương quản lý:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản của các dự án thuộc địa phương quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc trung ương quản lý hoặc giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý; bán, thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan liên quan; quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán, thanh lý đối với những tài sản còn lại.

3. Đối với các trường hợp điều chuyển tài sản phải có ý kiến đề nghị tiếp nhận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền phân cấp cho thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án ký văn bản đề nghị được tiếp nhận đối với các tài sản không phải là các loại tài sản sau đây:

- a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất;
- b) Xe ô tô;
- c) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên.

4. Đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Thông tư này, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản.

Điều 19. Trình tự xử lý tài sản phục vụ công tác quản lý của dự án khi dự án kết thúc

1. Khi dự án kết thúc, Ban quản lý dự án có trách nhiệm bảo quản nguyên trạng tài sản và hồ sơ của tài sản cho đến khi bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận hoặc hoàn thành việc bán, thanh lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp dự án đã kết thúc và Ban quản lý dự án đã giải thể nhưng chưa xử lý xong tài sản thì cơ quan chủ quản dự án có trách nhiệm bảo quản tài sản, hồ sơ tài sản và thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban quản lý dự án quy định tại Thông tư này.

2. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày kết thúc dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền, Ban quản lý dự án có trách nhiệm kiểm kê tài sản phục vụ công tác quản lý dự án, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Bộ, cơ quan trung ương là cơ quan chủ quản dự án (đối với các dự án thuộc trung ương quản lý); gửi Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là cơ quan chủ quản dự án (đối với các dự án thuộc địa phương quản lý). Trường hợp phát hiện thừa, thiếu tài sản phải ghi rõ trong Biên bản kiểm kê tài sản, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất biện pháp xử lý theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Danh mục tài sản đề nghị xử lý: Thực hiện theo Mẫu số 04a-DM/TSDA, Mẫu số 04b-DM/TSDA, Mẫu số 04c-DM/TSDA; Biên bản kiểm kê tài sản: Thực hiện theo Mẫu số 05a/TSDA ban hành kèm Thông tư này.

Đối với các chương trình, dự án trong đó có một cơ quan chủ quản giữ vai trò điều phối chung và các cơ quan chủ quản của các dự án thành phần: Ban quản lý dự án thành phần chịu trách nhiệm kiểm kê, báo cáo về Ban quản lý dự án chủ quản để tổng hợp, đề xuất phương án xử lý.

3. Các Bộ, cơ quan trung ương (đối với các dự án thuộc trung ương quản lý); Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (đối với các dự án thuộc địa phương quản lý) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản của dự án kết thúc thuộc phạm vi quản lý để quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

4. Trường hợp Ban quản lý dự án, cơ quan chủ quản dự án không đề xuất phương án xử lý hoặc đề xuất phương án xử lý không phù hợp với quy định tại Thông tư này, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 18 Thông tư này quyết định thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

5. Sau khi có quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền, việc tổ chức xử lý tài sản được thực hiện như sau:

a) Đối với tài sản có quyết định điều chuyển, đất có quyết định bàn giao đất cho địa phương: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định cấp có thẩm quyền, Ban quản lý dự án chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận tài sản thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 43 TC/QLCS ngày 31/7/1996 hướng dẫn việc tiếp nhận và bàn giao tài sản giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Thông tư số 122/2007/TT-BTC ngày 18/10/2007 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 43 TC/QLCS hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Đối với tài sản có quyết định bán: Trình tự, thủ tục bán đấu giá, bán chỉ định thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và pháp luật về bán đấu giá tài sản.

c) Đối với tài sản có quyết định thanh lý: Phương thức, trình tự, thủ tục thanh lý thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 52/2009/NĐ-CP); Thông tư số 245/2009/TT-BTC và Thông tư số 09/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

d) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo tuyến, tài sản của dự án thuộc trung ương quản lý được trang bị ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban quản lý dự án ở trung ương có thể uỷ quyền cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản đó ở địa phương tổ chức bán, thanh lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Thông tư này.

Điều 20. Xử lý tài sản phục vụ công tác quản lý của dự án chưa kết thúc nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng được

1. Đối với các dự án chưa kết thúc nhưng có tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng được, Ban quản lý dự án phải thực hiện kiểm kê, đề xuất phương án xử lý để trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Thông tư này xem xét, quyết định.

2. Hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản phục vụ công tác quản lý của dự án chưa kết thúc nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng được trong quá trình thực hiện dự án được thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18 và 19 Thông tư này.

Chương III

QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN LÀ KẾT QUẢ CỦA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 21. Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án

1. Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án bao gồm:

a) Phương tiện vận tải, máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác được đầu tư, mua sắm bằng nguồn vốn của dự án và giao cho các đối tượng thụ hưởng dự án sử dụng ngay trong quá trình thực hiện dự án;

b) Công trình xây dựng và các tài sản khác được đầu tư xây dựng, mua sắm bằng nguồn vốn của dự án, khi dự án hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành từng phần (các hạng mục công trình, tiểu dự án hoàn thành có thể vận hành độc lập) được quyết toán và bàn giao cho đối tượng thụ hưởng sử dụng.

2. Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng kết quả đó phải được xác định cụ thể trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 22. Quản lý quá trình hình thành tài sản

1. Đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Thông tư này:

a) Việc quản lý quá trình đầu tư, mua sắm để hình thành tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, mua sắm tài sản, pháp luật về xây dựng, các quy định khác của pháp luật có liên quan và văn kiện dự án (nếu có).

b) Sau khi hoàn thành việc đầu tư, mua sắm, Ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho các đối tượng thụ hưởng dự án để đưa vào khai thác, sử dụng theo mục tiêu dự án.

c) Thủ tục bàn giao tài sản để đưa vào khai thác, sử dụng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 43/TC-QLCS ngày 31/7/1996 và Thông tư số 122/2007/TT-BTC ngày 18/10/2007 hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

d) Tài sản sau khi được bàn giao cho đơn vị thụ hưởng là tài sản nhà nước giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm theo dõi, hạch toán tăng tài sản và nguồn hình thành tài sản, thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo chế độ hiện hành của Nhà nước. Trường hợp đã hoàn thành việc quyết toán thì hạch toán theo giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa hoàn thành việc quyết toán thì hạch toán tạm thời theo giá trị dự toán được phê duyệt; sau khi có quyết toán được phê duyệt thì điều chỉnh lại giá trị tài sản trên sổ kế toán. Trong thời gian thực hiện dự án, đối tượng được giao tài sản có trách nhiệm bảo vệ, sử dụng tài sản được giao theo đúng mục đích trang bị tài sản; đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

2. Đối với tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Thông tư này: Việc quản lý quá trình đầu tư xây dựng, mua sắm để hình thành tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, pháp luật về mua sắm và pháp luật khác có liên quan.

Điều 23. Xử lý tài sản sau khi dự án kết thúc

1. Đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Thông tư này, khi dự án kết thúc, Ban quản lý dự án có trách nhiệm:

a) Trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt quyết toán theo quy định;

b) Thông báo có đơn vị thụ hưởng để điều chỉnh giá trị tài sản trên sổ kế toán (nếu cần);

c) Việc quản lý, sử dụng tài sản của đối tượng thụ hưởng dự án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Đối với tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Thông tư này, Ban quản lý dự án có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt quyết toán theo quy định. Ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao toàn bộ tài sản của dự án và các hồ sơ cho đối tượng thụ hưởng dự án để đưa vào khai thác, sử dụng. Giá trị tài sản bàn giao là giá trị đầu tư, mua sắm theo quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa hoàn thành việc quyết toán thì giá trị tài sản bàn giao tính tạm thời theo giá trị dự toán được phê duyệt; sau khi có quyết toán được phê duyệt thì điều chỉnh lại giá trị tài sản bàn giao trên sổ kế toán.

3. Việc hạch toán, quản lý tài sản dự án sau khi bàn giao được thực hiện như sau:

a) Đối với đối tượng tiếp nhận tài sản dự án là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Đối tượng tiếp nhận phải hạch toán tăng tài sản, thực hiện báo cáo kê khai đối với tài sản thuộc đối tượng phải báo cáo kê khai, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

b) Đối với đối tượng tiếp nhận tài sản dự án là tổ chức kinh tế: Đối tượng tiếp nhận phải thực hiện ghi tăng vốn nhà nước giao cho tổ chức, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản được giao theo chế độ tài chính áp dụng với tổ chức kinh tế đó.

c) Đối với đối tượng tiếp nhận tài sản là hộ gia đình, cá nhân: Việc quản lý, sử dụng tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật khác có liên quan đến tài sản tiếp nhận và các văn kiện, điều khoản của dự án đã được ký kết hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền.

Chương IV **QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN DO PHÍA NƯỚC NGOÀI CHUYỂN GIAO** **CHO CHÍNH PHỦ VIỆT NAM**

Điều 24. Tiếp nhận, bảo quản tài sản

1. Ban quản lý dự án có trách nhiệm tiếp nhận tài sản từ phía nước ngoài chuyển giao và bảo quản tài sản đã tiếp nhận và hồ sơ của tài sản (Giấy đăng ký hoặc giấy chứng nhận sở hữu phương tiện; chứng từ, hóa đơn mua hàng, văn bản có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của tài sản) theo nguyên trạng cho đến khi bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận hoặc hoàn thành việc bán, thanh lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Trường hợp phía nước ngoài không bàn giao hồ sơ tài sản như trên, Ban quản lý dự án cần ghi rõ các loại hồ sơ, giấy tờ còn thiếu trong Biên bản tiếp nhận tài sản.

Biên bản tiếp nhận tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam: thực hiện theo Mẫu số 05b/TSDA ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Ban quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về chuyển nhượng và nộp thuế theo quy định của pháp luật trước khi trình cấp có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Trường hợp Ban quản lý dự án không bố trí được kinh phí để tạm ứng nộp thuế thì Ban quản lý dự án báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quyết định nộp thuế sau khi bán, thanh lý tài sản hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận điều chuyển làm thủ tục nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản nhận chuyển giao

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục về chuyển nhượng và nộp thuế (nếu có) theo quy định của pháp luật, Ban quản lý dự án có trách nhiệm báo cáo cơ quan chủ quản để trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản đã tiếp nhận theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản của cơ quan tiếp nhận (01 bản chính);

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản (01 bản chính);

c) Biên bản tiếp nhận tài sản chuyển giao (01 bản chính);

d) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản chuyển giao (01 bản chính hoặc bản sao chứng thực);

đ) Hồ sơ về việc chuyển nhượng và nộp thuế (nếu có) (01 bản chính hoặc bản sao chứng thực).

3. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản do chuyên gia, nhà thầu thực hiện dự án thuộc trung ương quản lý chuyển giao;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản do chuyên gia, nhà thầu thực hiện dự án thuộc địa phương quản lý chuyển giao.

4. Thời hạn ra quyết định xác lập sở hữu nhà nước của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất là 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 26. Xử lý tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam.

1. Hình thức xử lý tài sản, thẩm quyền quyết định xử lý tài sản, trình tự xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18 và 19 Thông tư này.

2. Trường hợp Ban quản lý dự án đã giải thể, cơ quan chủ quản dự án thực hiện các nhiệm vụ của Ban quản lý dự án quy định tại Điều 24, Điều 25 và khoản 1 Điều này.

Chương V

XỬ LÝ VẬT TƯ THU HỒI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 27. Vật tư thu hồi trong quá trình thực hiện dự án

Vật tư thu hồi trong quá trình thực hiện dự án là các vật tư thu hồi được từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia (sau đây gọi tắt là công trình kết cấu hạ tầng) cũ, khi xây dựng công trình kết cấu hạ tầng mới.

Điều 28. Tháo dỡ, bảo quản vật tư thu hồi

1. Khi xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, Ban quản lý dự án có trách nhiệm tổ chức tháo dỡ hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng tháo dỡ công trình kết cấu hạ tầng cũ (nếu có) và thu hồi vật tư còn có giá trị sử dụng để xử lý theo quy định (trừ trường hợp dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định nhà thầu thi công có trách nhiệm tháo dỡ công trình kết cấu hạ tầng cũ).

2. Ban quản lý dự án có trách nhiệm bảo quản vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng cũ theo nguyên trạng cho đến khi hoàn thành việc điều chuyển, bán theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 29. Hình thức xử lý vật tư thu hồi

1. Vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng cũ được xử lý theo hình thức:

a) Điều chuyển theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này;

b) Bán đấu giá;

c) Bán chỉ định đối với trường hợp giá trị vật tư thu hồi của một lần xử lý có giá trị dưới 50 triệu đồng.

2. Trường hợp dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định giá trị vật tư thu hồi được tính trừ vào tổng mức đầu tư của dự án thì nhà thầu thực hiện dự án tổ chức xử lý tài sản theo quy định của pháp luật; không xử lý theo quy định tại Thông tư này.

Điều 30. Thẩm quyền quyết định, trình tự xử lý vật tư thu hồi

Thẩm quyền quyết định xử lý và trình tự xử lý vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng cũ thực hiện theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Thông tư này.

Chương VI

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN DỰ ÁN

Điều 31. Nội dung chi

1. Chi phí kiểm kê, phân loại, giám định tài sản.
2. Chi phí bảo quản tài sản: Chi phí thuê kho, bãi để bảo quản tài sản, chi cho công tác bảo vệ tài sản.
3. Chi phí làm thủ tục chuyển nhượng, nộp thuế (nếu có) đối với tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam.
4. Chi phí tháo dỡ, thu hồi vật tư của các công trình kết cấu hạ tầng cũ khi xây dựng công trình kết cấu hạ tầng mới (trong trường hợp chi phí này không được tính vào tổng mức đầu tư của dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng mới).
5. Chi phí bán đấu giá tài sản.
6. Chi phí xác định giá trị tài sản, chi phí thuê thẩm định giá.
7. Chi phí thanh lý tài sản: Chi phí cho việc tổ chức bán hoặc phá dỡ, hủy bỏ tài sản.
8. Chi phí phát sinh trong quá trình bàn giao, tiếp nhận tài sản.
9. Chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc xử lý tài sản của dự án.

Điều 32. Mức chi

Mức chi cho từng nội dung chi quy định tại Điều 31 Thông tư này thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì người đứng đầu của cơ quan có trách nhiệm xử lý tài sản quyết định mức chi, đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 33. Nguồn kinh phí

1. Đối với tài sản có quyết định bán, thanh lý: Nguồn kinh phí để chi cho các nội dung quy định tại Điều 31 Thông tư này được sử dụng từ số tiền thu được do bán hoặc thanh lý tài sản. Trường hợp việc xử lý tài sản không phát sinh nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí thì phần chi phí còn thiếu được quyết toán và chi trả từ nguồn kinh phí quản lý dự án.

2. Đối với tài sản có quyết định điều chuyển, cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận tài sản có trách nhiệm chi trả các chi phí có liên quan quy định tại Điều 31 Thông tư này.

Điều 34. Quản lý, sử dụng số tiền thu được khi bán, thanh lý tài sản

Số tiền thu được từ bán, thanh lý tài sản, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan quy định tại Điều 31 của Thông tư này (nếu có), được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

1. Nộp vào ngân sách trung ương đối với dự án thuộc trung ương quản lý;
2. Nộp vào ngân sách địa phương đối với dự án thuộc địa phương quản lý.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2014.
2. Thông tư này thay thế, bãi bỏ Thông tư số 87/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc hết hiệu lực thi hành.
3. Đối với tài sản của các dự án đã kết thúc trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa có quyết định xử lý thì thực hiện xử lý theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp tài sản đã có quyết định xử lý nhưng chưa xử lý xong thì thực hiện theo quy định tại thời điểm quyết định xử lý.

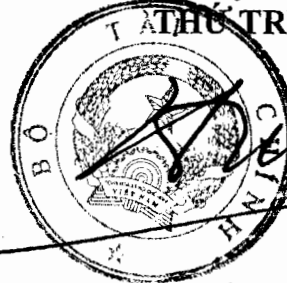
4. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.(380)

KT. BỘ TRƯỞNG

T. THƯ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Chí

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 01a-ĐK/TSDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC

Địa chỉ:.....

Tên dự án:.....

I- Về đất:

a- Diện tích khuôn viên đất:.....m².

b- Hiện trạng sử dụng:

Làm trụ sở làm việc.....m²

Sử dụng khác.....m²

c- Giá trị theo sổ kế toán:..... nghìn đồng.

II- Về nhà:

ĐVT cho : Diện tích : m² ; Số lượng: khuôn viên ; Giá trị: nghìn đồng

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NĂM SỬ DỤNG	NGUYÊN GIÁ				GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ TẦNG	DT SÀN XÂY DỰNG	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m ²)	
				Tổng cộng	Trong đó						Trụ sở làm việc	Sử dụng khác
					Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP					
1- Nhà A												
2- Nhà B												
Tổng cộng:												

III- Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
 TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 01b-ĐK/TSDA
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
 ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI XE Ô TÔ

ĐVT cho: Số lượng: cái ; Giá trị: nghìn đồng

TÀI SẢN	NHÃN HIỆU	BIÊN KIỂM SOÁT	SỐ CHỖ NGỒI/TÀI TRỌNG	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	DUNG TÍCH XI LANH	NGUỒN HÌNH THÀNH	NGUYÊN GIÁ				GIÁ TRỊ CÒN LẠI	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG	
									Tổng cộng	Trong đó				QLDA	Hoạt động khác
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP			
I- Dự án 1															
1- Xe ...															
2- Xe ...															
II- Dự án 2															
1- Xe ...															
2- Xe ...															
Tổng cộng:															

....., ngày..... tháng..... năm
Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
 TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 01c-ĐK/TSDA
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
 ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ, ĐẤT, XE Ô TÔ)

ĐVT cho: Số lượng : cái, chiếc ; Giá trị: nghìn đồng

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	NGUỒN HÌNH THÀNH	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				GIÁ TRỊ CÒN LẠI	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG	
						Tổng cộng	Trong đó				Quản lý dự án	HD khác
							Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP			
I. Dự án 1												
1- Tài sản ...												
2- Tài sản ...												
3- Tài sản ...												
II. Dự án 2												
Tổng cộng:												

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 02a-ĐK/TSDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KÊ KHAI
THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN LÀ TRỤ SỞ LÀM VIỆC**

STT	CHỈ TIÊU	THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI	THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI	NGÀY THÁNG THAY ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	1	2	3	4	5
	I. Về đất				
1	Tên tài sản				
2	Địa chỉ khuôn viên đất				
3	Tổng diện tích (m ²)				
4	Giá trị (nghìn đồng)				
5	Hiện trạng sử dụng (m ²)				
	+ Làm trụ sở làm việc				
	+ Sử dụng khác				
6	Thông tin khác				
	II. Về nhà				
1	Tên nhà				
2	Thuộc khuôn viên đất				
3	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)				
4	Số tầng				
5	Nguyên giá (nghìn đồng)				
	+ Nguồn ngân sách				
	+ Nguồn ODA				
	+ Nguồn viện trợ phi CP				
	+ Nguồn khác				
6	Giá trị còn lại (nghìn đồng)				
7	Hiện trạng sử dụng (m ²)				
	+ Làm trụ sở làm việc				
	+ Sử dụng khác				
8	Thời gian sử dụng được đánh giá lại (năm)				
9	Thông tin khác				

....., ngày.... tháng.... năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 02b-ĐK/TSDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KÊ KHAI
THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN LÀ XE Ô TÔ**

STT	CHỈ TIÊU	THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI	THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI	NGÀY THÁNG THAY ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	1	2	3	4	5
1	Biển kiểm soát				
2	Loại xe				
3	Nguyên giá (nghìn đồng)				
	+ Nguồn ngân sách				
	+ Nguồn ODA				
	+ Nguồn viện trợ phi CP				
	+ Nguồn khác				
4	Giá trị còn lại (nghìn đồng)				
5	Số chỗ ngồi/ tải trọng				
6	Hiện trạng sử dụng:				
	+ Quản lý dự án				
	+ Hoạt động khác				
7	Thời gian sử dụng được đánh giá lại (năm)				
8	Thông tin khác				

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 02c-ĐK/TSDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI
THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ, ĐẤT, XE Ô TÔ)

STT	CHỈ TIÊU	THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI	THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI	NGÀY THÁNG THAY ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	1	2	3	4	5
1	Tên tài sản				
2	Loại tài sản				
3	Nguyên giá (nghìn đồng)				
	+ Nguồn ngân sách				
	+ Nguồn ODA				
	+ Nguồn viện trợ phi CP				
	+ Nguồn khác				
4	Giá trị còn lại (nghìn đồng)				
5	Thông số kỹ thuật				
6	Hiện trạng sử dụng:				
	+ Quản lý dự án				
	+ Hoạt động khác				
7	Thời gian sử dụng được đánh giá lại (năm)				
8	Thông tin khác				

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 03/TSDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KÊ KHAI
XÓA THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU**

STT	MÃ TÀI SẢN	TÊN TÀI SẢN	NGÀY THÁNG THAY ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1		Ví dụ: Đất trụ sở Ban quản lý dự án A		
2		Ví dụ: Nhà làm việc A		
3		Ví dụ: Ô tô Biển kiểm soát 30A- 9999		
4		Ví dụ: Máy nội soi		

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 04a-DM/TSDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

DANH MỤC TRỤ SỞ LÀM VIỆC ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

Địa chỉ:.....

Tên dự án:.....

I- Về đất:

a- Diện tích khuôn viên đất:.....m².

b- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc..... m², sử dụng mục đích khác..... m².

II- Về nhà:

DVT cho : Diện tích : m² ; Số lượng: khuôn viên ; Giá trị : nghìn đồng

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NĂM SỬ DỤNG	NGUYÊN GIÁ				GIÁ TRỊ CÒN LẠI	SỐ TẦNG	DT SÀN XÂY DỰNG
				Tổng cộng	Trong đó					
					Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP			
1- Nhà ...										
2- Nhà ...										
Tổng cộng:										

III- Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
 TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 04b-DM/TSDA
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
 ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

DANH MỤC XE Ô TÔ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

ĐVT cho: Số lượng: cái; Giá trị: nghìn đồng

TÀI SẢN	NHÃN HIỆU	BIÊN KIỂM SOÁT	SỐ CHỖ NGỒI/TẢI TRỌNG	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	DUNG TÍCH XI LANH	NGUỒN HÌNH THÀNH	NGUYÊN GIÁ				GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP		Nguồn khác
I – Dự án 1														
1- Xe ...														
2- Xe ...														
II – Dự án 2														
1- Xe ...														
2- Xe ...														
III – Dự án 3														
1- Xe ...														
2- Xe ...														
Tổng cộng:														

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
 TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 04c-DM/TSDA
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC
 ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ, ĐẤT, XE Ô TÔ) ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

ĐVT cho : Số lượng: cái ; Giá trị: nghìn đồng

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NĂM SỬ DỤNG	NGUỒN HÌNH THÀNH TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ				GIÁ TRỊ CÒN LẠI
						Tổng cộng	Trong đó			
							Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	
I – Dự án 1										
1- Tài sản ...										
2- Tài sản ...										
II – Dự án 2										
Tổng cộng:										

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

TÊN BAN QLDA.....

Mẫu số 05a/TSDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-
BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN KẾT THÚC

1. Tên dự án:

2. Tên ban quản lý dự án:

3. Cơ quan chủ quản:

4. Ngày..... tháng năm.....

5. Thành phần gồm:

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

6. Kết quả kiểm kê:

6.1. Đối với tài sản phục vụ công tác quản lý của dự án:

a. Danh mục tài sản đất, nhà (xem phụ lục 01 đính kèm biên bản này)

b. Danh mục tài sản ô tô và tài sản khác (xem phụ lục 02 đính kèm biên bản này)

Nguyên nhân thừa, thiếu:

Kiến nghị, đề xuất hướng xử lý đối với tài sản thừa, thiếu:

6.2. Đối với tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam:

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Hiện trạng tài sản	Giá trị tài sản (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	6	7	8
	A. Ô tô					
	Gồm:					
	B. Tài sản khác					
	Gồm:					

6.3. Đối với vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ công trình kết cấu hạ tầng cũ:

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại vật tư)	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng tài sản	Ghi chú
1	2	3	4	5
1				
2				
3				

Xác nhận của người tham gia kiểm kê

Ông (bà...)
(Ký ghi rõ họ tên)

Ông (bà...)
(Ký ghi rõ họ tên)

Ông (bà...)
(Ký ghi rõ họ tên)

Ông (bà...)
(Ký ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN TIẾP NHẬN TÀI SẢN DO PHÍA NƯỚC NGOÀI
CHUYỂN GIAO CHO CHÍNH PHỦ VIỆT NAM**

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm....., chúng tôi gồm:

A- Đại diện bên giao:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

B- Đại diện bên nhận:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Thực hiện bàn giao và tiếp nhận tài sản bao gồm:

1/ Danh mục tài sản bàn giao:

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Nhập khi kiểm kê	Giá trị tài sản (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	A. Ô tô					
	Gồm:					
	B. Tài sản khác					
	Gồm:					

2/ Các hồ sơ về tài sản bàn giao:

3/ Nghĩa vụ thuế đối với tài sản bàn giao:

4/ Ý kiến các bên giao nhận

a. Bên nhận:

.....
.....
.....

b. Bên giao:

.....
.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 01

(Danh mục tài sản đất, nhà kèm theo biên bản kiểm kê số...ngàytháng....năm.....)

ĐVT cho: Diện tích đất, nhà: m², Giá trị: nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Số liệu tài sản theo sổ kế toán			Diện tích theo kiểm kê	Diện tích thừa, thiếu		Ghi chú
				Diện tích	Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)		Thừa	Thiếu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	A. Trụ sở làm việc gồm:									
	I. Đất									
	Khuôn viên đất 1									
	Khuôn viên đất 2									
	II. Nhà									
	Nhà số 1									
	Nhà số 2									

PHỤ LỤC 02

(Danh mục tài sản ô tô và tài sản khác kèm theo biên bản kiểm kê số ngày... tháng...năm...)

ĐVT cho: Số lượng: cái, chiếc; Giá trị: nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Năm đưa vào sử dụng	Số liệu tài sản theo sổ kế toán		Số lượng tài sản theo kiểm kê	Số lượng tài sản thừa, thiếu		Ghi chú
			Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)		Thừa	Thiếu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	B. Ô tô gồm:							
	Ô tô 1							
	Ô tô 2							
	C. Các tài sản khác gồm:							
	Tài sản khác 1							
	Tài sản khác 2							